

MỐI LIÊN HỆ GIỮA ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC VÀ SỰ THAY ĐỔI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN

ThS. LÊ CHI LAN
Trường Đại học Sài Gòn

Trong xu thế hội nhập và phát triển, ngành giáo dục luôn được quan tâm hàng đầu, nhất là chất lượng giáo dục đại học (GDĐH). Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học chuyển dần sang việc đào tạo theo học chế tín chỉ, đây là hình thức đào tạo còn mới mẻ đối với một số trường đại học, việc đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD) theo yêu cầu của học chế tín chỉ "Lấy người học là trung tâm" là điều không thể thiếu.

Phương pháp giảng dạy (PPGD) là một thành tố hết sức quan trọng của quá trình dạy học. Khi đã xác định được mục đích, nội dung chương trình giảng dạy, thì PPGD của giảng viên sẽ quyết định chất lượng quá trình dạy học. Đề cương chi tiết của mỗi môn học được từng giảng viên biên soạn sẽ ảnh hưởng như thế nào tới chất lượng giảng dạy? Nhiều câu hỏi liên quan đến mối liên hệ giữa đề cương chi tiết của từng môn học và PPGD của giảng viên chưa được làm sáng tỏ, và nhất là đang trong giai đoạn áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ. Xuất phát từ lí do trên, chúng tôi đã đi tìm hiểu mối liên hệ giữa đề cương chi tiết của từng môn học và PPGD của giảng viên bằng việc tiến hành khảo sát tại Trường Đại học Sài Gòn.

1. Chọn mẫu nghiên cứu

Mẫu khảo sát cho giảng viên:

+ Số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường Đại học Sài Gòn gồm 776 người, trong đó có 468 cán bộ giảng viên đứng lớp.

+ Số lượng khảo sát: 255 người/468 người. Nghiên cứu và xem xét sự biến đổi PPGD của giảng viên trước và sau năm học: 2008-2009 (năm học trường bắt đầu áp dụng các giảng viên lên lớp phải

công bố đề cương chi tiết cho sinh viên).

Mẫu khảo sát cho sinh viên:

+ Số lượng sinh viên đại học năm thứ 3 của Trường Đại học Sài Gòn khoảng 2000 sinh viên, bao gồm khối sư phạm và ngoài sư phạm.

+ Số lượng khảo sát: 306 người.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Công bố đề cương chi tiết từng môn học

Đề cương chi tiết được xem là kim chỉ nam cho việc giảng dạy môn học. Đề cương chi tiết bao gồm: tên học phần, thời lượng giảng dạy và học tập, đối tượng, hình thức kiểm tra và đánh giá, nội dung chi tiết từng phần, từng chương... Việc công bố đề cương chi tiết sẽ giúp người học biết được mục tiêu môn học, cách đánh giá và cho điểm của môn học, hình thức thi... và điều quan trọng là biết được nội dung mà giảng viên sẽ giảng dạy. Trên cơ sở đó sinh viên có thể tìm nguồn tài liệu, chủ động chuẩn bị nội dung bài học trước khi lên lớp.

Qua khảo sát, 100% giảng viên đều biết triển khai thực hiện đề cương chi tiết bài giảng. Tỷ lệ biết vào năm học 2008-2009 là 71.4%, biết vào năm học 2009-2010 là 28.6%. Tuy nhiên, khi khảo sát điều này ở sinh viên năm học: 2008 – 2009 và 2009 - 2010, kết quả thống kê có 15.8% sinh viên (mean = 1.87) không biết nội dung mỗi môn học có đề cương chi tiết. Qua kết quả này chúng tôi suy luận: có thể một số giảng viên khi bắt đầu môn học của mình đã không công bố đề cương chi tiết cho sinh viên.

2.2. Phương pháp giảng dạy của giảng viên

Qua tìm hiểu về các PPGD của giảng viên, chúng tôi phân loại PPGD thành 2 nhóm chính:

Bảng 1. Tỷ lệ giảng viên sử dụng "Phương pháp thông báo vấn đề"

Phương pháp	Thời điểm	Mức độ áp dụng		
		Không sử dụng	Ít sử dụng	Thường xuyên sử dụng
Thầy nêu vấn đề và hướng giải quyết	Trước năm học 2008-2009	27 10.6%	113 44.3%	115 45.1%
	Năm học 2009-2010	16 6.3%	113 44.3%	126 49.4%

- Nhóm 1: PPGD lấy người dạy làm trung tâm.
- Nhóm 2: PPGD lấy người học làm trung tâm..

2.2.1. Phương pháp giảng dạy lấy người dạy làm trung tâm

Trong phần này chúng tôi phân tích PPGD đặc trưng nhất lấy người dạy làm trung tâm là: phương pháp thông báo vấn đề (Thầy nêu vấn đề và hướng giải quyết)

Phương pháp thông báo vấn đề là phương pháp giảng viên nêu vấn đề và đề ra hướng giải quyết, sinh viên theo dõi và lắng nghe. Theo ý kiến phản hồi của giảng viên trước năm học: 2008-2009 chiếm tỉ lệ 44.3% ít sử dụng, 45.1% thường xuyên sử dụng và hiện nay ít sử dụng là 44.3%, thường xuyên sử dụng là 49.4%.

PPGD thông báo vấn đề và hướng giải quyết đã làm hạn chế tư duy của người học. Tuy nhiên, khi sử dụng PPGD này, giảng viên sẽ được chủ động hướng dẫn sinh viên theo cách suy nghĩ mà mình đã định sẵn và tiết kiệm được thời gian, sinh viên luôn trong tình trạng có vấn đề để suy nghĩ.

2.2.2. Phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm

Trong phần này chúng tôi phân tích PPGD đặc trưng nhất lấy người học làm trung tâm là: phương pháp nêu vấn đề (người học tìm hiểu và giải quyết)

Kết quả ở bảng 2 cho thấy PPGD nêu vấn đề năm học: 2009 - 2010 được thường xuyên sử dụng và sự chênh lệch theo ý kiến của giảng viên giữa trước năm học 2008-2009 và năm học: 2009 - 2010 ở mức độ thường xuyên sử dụng là 25.5%.

Khảo sát mối liên hệ giữa PPGD nêu vấn đề và việc chuẩn bị công tác giảng dạy, xem PPGD của giảng viên có tốt hơn không nếu công tác giảng dạy được chuẩn bị một cách chu đáo, chúng tôi thấy, nhằm để thay đổi PPGD thúc đẩy sinh viên học tập theo phương pháp tích cực thì giảng viên phải đầu tư vào bài giảng một cách chu đáo, điều này giảng viên phải định hướng mục tiêu của bài giảng đưa ra các vấn đề hoặc câu hỏi có liên quan đến nội dung và bài giảng, trong tiết giảng dạy giảng viên phải

phát huy năng lực của người học, phát hiện vấn đề trong bài giảng theo mục tiêu đề ra. Để thành công việc thay đổi PPGD thì người giảng viên phải đầu tư rất nhiều vào công tác chuẩn bị.

Muốn thay đổi PPGD theo lối tích cực, lấy người học làm trung tâm thì bản thân người giảng viên phải đầu tư rất nhiều trong công tác giảng dạy trước khi lên lớp. Bảng 3 (trang 50) cho thấy: để áp dụng PPGD nêu vấn đề giảng viên phải chuẩn bị một bài học ít nhất là 4 tiết trước khi tới lớp, tỉ lệ giảng viên chuẩn bị từ 3 – 4 tiết /1tiết bài giảng là 44.7%, từ 5 – 6 tiết chiếm tỉ lệ 10.2%.

Trong những năm qua, mặc dù giáo dục có đổi mới PPGD nhưng chưa đi vào thực chất, thiếu triệt để. Hiện tại, cách giáo dục chỉ chú ý đến việc cung cấp cho người học về khối lượng kiến thức nên dẫn đến cách dạy và học nhồi nhét thụ động, ít quan tâm đến cảm nhận, suy nghĩ, không bồi dưỡng được những năng lực độc lập, chủ động sáng tạo, biết tìm tòi những tri thức mới của người học.

Khảo sát thống kê, chúng tôi nhận thấy rằng để cương chi tiết môn học có tác động đến việc thay đổi PPGD của giảng viên, tuy nhiên thay đổi PPGD là cả một quá trình, giảng viên cần có thời gian chuẩn bị. Giảng viên cần có quá trình từ nhận thức-hiểu biết đến thái độ, dần dần sẽ thay đổi ý thức giảng dạy.

2.3. Mối liên hệ giữa đề cương chi tiết môn học và phương pháp giảng dạy

Đề cương chi tiết của môn học bao gồm tất cả nội dung của môn học, cách đánh giá cho điểm, tài liệu tham khảo... Việc mỗi môn học đều có đề cương chi tiết sẽ giúp cho sinh viên biết được nội dung môn học, cách đánh giá và cho điểm từ đó sinh viên sẽ định hướng học tập cho bản thân.

Qua bảng thống kê 4 (trang 50), chúng tôi nhận thấy rằng:

- Theo ý kiến của giảng viên: trước năm học 2008 – 2009 chỉ số trung bình của PPGD là 23.3255 điểm. Khi thực hiện thông báo “Mỗi môn học giảng viên phải công bố đề cương chi tiết” số lượng giảng

Bảng 2. Tỉ lệ giảng viên sử dụng PPGD “Nêu vấn đề”

Phương pháp	Thời điểm	Mức độ áp dụng		
		Không sử dụng	Ít sử dụng	Thường xuyên sử dụng
PP nêu vấn đề để người học tìm hiểu và giải quyết	Trước năm học 2008-2009	19 7.5%	133 52.2%	103 40.4%
	Năm học 2009-2010	4 1.6%	83 32.5%	168 65.9%



Bảng 3. Mối liên hệ giữa “PPGD nêu vấn đề” và “Thời gian chuẩn bị cho 1 tiết giảng trước khi lên lớp”

Phương pháp nêu vấn đề		Thời gian chuẩn bị cho 1 tiết giảng(tiết)				
		<1	1-2	3-4	5-6	Tổng
Không sử dụng	Số lượng (người)	2	2	0	0	4
	Tỉ lệ	50.0%	50.0%	.0%	.0%	100.0%
Ít sử dụng	Số lượng	5	31	37	10	83
	Tỉ lệ	6.0%	37.3%	44.6%	12.0%	100.0%
Thường xuyên sử dụng	Số lượng	32	43	77	16	168
	Tỉ lệ	19.0%	25.6%	45.8%	9.5%	100.0%
Cộng	Số lượng	39	76	114	26	255
	Tỉ lệ	15.3%	29.8%	44.7%	10.2%	100.0%

Bảng 4: So sánh chỉ số đánh giá của GV và SV về việc sử dụng PPGD trước và sau thời điểm trường áp dụng “Mỗi môn học đều có đề cương chi tiết”

Đối tượng	Thời điểm	Số lượng (người)	Chỉ số đánh giá trung bình (điểm)	Độ lệch chuẩn
Giảng viên	Trước năm học (NH) 2008-2009	255	23.3255	3.83621
	NH 2009-2010 (hiện nay)	182	24.9176	3.02820
Sinh viên	Trước NH 2008-2009	306	21.4869	3.32327
	NH 2009-2010 (hiện nay)	142	22.3310	3.42648

viên biết đến vào thời điểm năm học: 2008 – 2009 là 182 người. Vào năm học: 2009-2010 thì chỉ số trung bình của PPGD của giảng viên đã thay đổi 24.9176 điểm, độ lệch chuẩn là 3.02820. Chỉ số thay đổi PPGD trong 2 năm học 2008 – 2009 và năm học 2009 – 2010 từ 23.3255 điểm đến 24.9176 điểm, tăng lên 1.5921 điểm. Điều này chứng tỏ rằng, khi thực hiện thông báo “Mỗi môn học đều có đề cương chi tiết” đã làm thay đổi PPGD của giảng viên theo hướng tích cực hơn.

• Theo ý kiến của sinh viên: trước năm học: 2008 – 2009 chỉ số trung bình của việc thay đổi PPGD là 21.4869 điểm. Khi thực hiện “Mỗi môn học đều có đề cương chi tiết”, số lượng sinh viên biết đến vào thời điểm năm học: 2008 – 2009 là 306 người, năm học: 2009 -2010 chỉ số trung bình PPGD của giảng viên đã thay đổi là 22.3310, độ lệch chuẩn là 3.42648. Chỉ số trung bình của PPGD của

giảng viên theo ý kiến của sinh viên có sự thay đổi - tăng 0.8441 điểm. Điều này chứng tỏ bản thân sinh viên nhận thấy khi có đề cương chi tiết môn học thì giảng viên thay đổi cách giảng dạy.

3. Kết luận

Kết quả phân tích trên cho biết giảng viên của trường đã nhận thấy: khi biết được đề cương chi tiết của môn học, sinh viên tự tìm tòi kiến thức, giảng viên xây dựng câu hỏi hoặc chủ đề có liên quan đến môn học, giảng viên định hướng học tập cho sinh viên dựa trên đề cương chi tiết phát huy tính tích cực của người học. Vì vậy, đề cương chi tiết của môn học đã làm thay đổi PPGD của giảng viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Chính, *Đánh giá giảng viên đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA PHÂN LUỒNG... (Tiếp theo trang 13)

5. Kết luận

Phân luồng HS sau THCS, phân ban, hướng nghiệp, chọn nghề sau THPT hay đào tạo liên thông... không thể chỉ xuất phát từ mong muốn của các nhà quản lý mà phải được nghiên cứu kỹ cơ sở khoa học của nó. Phân luồng phải đi đôi với đào tạo liên thông nhằm tạo cơ hội cho mọi người có nguyện vọng và khả năng có thể tiếp tục học lên, chuyển đổi nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp trong suốt cuộc đời.

Thực hiện phân luồng và liên thông trong giáo dục có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực cho đất nước nhằm cung cấp đội ngũ nhân lực đồng bộ về cơ cấu ngành nghề và trình độ đáp ứng cho yêu cầu về nhân lực để chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tiến trình CNH, HĐH đất nước và tạo cơ hội thuận lợi cho mỗi người lao động được không ngừng phát triển trình độ nghề nghiệp phù hợp với năng lực của cá nhân. Chính vì vậy, phân luồng và liên thông trong hệ thống giáo dục ngày nay được coi là một chiến lược quan trọng để phát triển nguồn nhân lực của mỗi quốc gia và là một nhu cầu cấp thiết đang diễn ra trên khắp mọi quốc gia, đặc biệt với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Danh Ánh, *Thực trạng và giải pháp phân luồng và liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân*, 2006.

2. Đề án chỉ đạo xây dựng chương trình liên thông của Bộ GD&ĐT

2. Lê Vinh Danh, *Một số lý luận về đảm bảo chất lượng trong giáo dục đại học*, tr 59 – 70, kỷ yếu hội thảo "Đảm bảo chất lượng trong đổi mới giáo dục Đại học", NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2006.

3. Daniel H. Robinson, *Chọn giáo trình: Cần thận với những giáo trình thiếu chu đáo (công việc của giảng viên đại học)*, Tài liệu tham khảo cho Hội thảo: "Đào tạo liên thông theo hệ thống tín chỉ" – Đà Nẵng, 2009.

4. Jim Peterson, *Đánh giá phương thức giảng dạy / học tập*, Hội thảo quốc tế "Đánh giá hiệu quả phương thức dạy đại học: Quan điểm của Việt Nam và Australia", Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.

3. Đề tài cấp Bộ B53-1997-13-ĐH "Sự khác biệt và liên thông giữa hai cấp ĐH và Cao đẳng trong bậc giáo dục ĐH" Đỗ Công Vinh.

4. Mạc Văn Trang, *Nghiên cứu những yêu cầu tâm lý đối với một số nghề và phương pháp xác định đặc điểm Tâm lý phù hợp nghề...*, ĐT cấp Bộ, Mã số B91-38-06, Viện ĐH và GDCN, 1993.

5. Nguyễn Minh Đường và Phan Văn Kha đồng Chủ biên, *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.

6. Vũ Ngọc Hải, *Một số vấn đề phát triển giáo dục ở các nước trong khu vực và trên thế giới*, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 5 tháng 2 năm 2006.

7. Vũ Dũng (chủ biên), *Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học Xã hội, 2000.

SUMMARY

Streaming and articulation in education system are a phenomenon arising out of educational activities. They are two different but closely related dimensions. Streaming and articulation have direct impact on strategies for human resources development of each country and gear towards building a learning society. This issue has been receiving increasing attention from international arena, including Vietnam. On that basis, the article presents scientific rationales for streaming and articulation in national education system

5. Lê Văn Hào, *Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua PPGD dựa trên vấn đề*, Trường Đại học Nha Trang, 2005.

6. Trần Thị Bích Liễu, *Đánh giá chất lượng giảng dạy- Nội dung- Phương pháp- Kỹ thuật*, NXB Đại học Sư phạm, 2008.

SUMMARY

The author analyzes key survey findings in Sai Gon Teacher Training University with an aim to clarifying the relationship between detailed outline of the subject matter and changes made to teaching methods among lectures.